Số: 635/KH-UBND
Thời gian ký: 2026-10-30T08:22:44+07:00

Phụ lục I
ĐẶC ĐIỂM, PHẠM VI VÀ NGƯỠNG KÍCH HOẠT BA KỊCH BẢN

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Tiêu chí	Kịch bản 1 - Cấp độ 1	Kịch bản 2 - Cấp độ 2	Kịch bản 3 - Cấp độ 3
Mức độ rủi ro	Thấp	Trung bình	Lớn
Ranh giới độ mặn 4‰	Xâm nhập sâu vào nội đồng dưới 25 km	Xâm nhập sâu từ trên 25 km đến 50 km	Xâm nhập sâu từ trên 50 km đến 90 km
Nguồn nước ngọt	Cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất, thiếu cục bộ ở khu vực cuối nguồn	Thiếu 30 - 50% so với trung bình nhiều năm (TBNN)	Thiếu trên 50% so với TBNN
Nguyên tắc triển khai	Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp ứng phó cơ bản, chủ động phòng ngừa	Kế thừa toàn bộ Kịch bản 1, bổ sung các biện pháp tăng cường	Kế thừa toàn bộ Kịch bản 2, bổ sung các biện pháp khẩn cấp

Phụ lục II
NHIỆM VỤ CHUNG PHẢI HOÀN THÀNH TRƯỚC KHI KÍCH HOẠT CÁC KỊCH BẢN

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nhiệm vụ, sản phẩm bắt buộc	Chủ trì; phối hợp	Thời hạn hoàn thành
1	Điểm thiếu nước theo xã, ấp; quy trình cảnh báo, lịch điều tiết	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Trung tâm Quản lý khai thác công trình thủy lợi, Ủy ban nhân dân các xã, phường	25/10/2026; cập nhật hằng tuần
2	Danh sách hộ có nguy cơ thiếu nước, phương án cấp nước, bồn và xe vận chuyển	Ủy ban nhân dân các xã, phường; Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Sở Nông nghiệp và Môi trường	27/10/2026
3	Danh sách diện tích đã/chưa gieo trồng, vùng nguy cơ, khuyến cáo mùa vụ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Ủy ban nhân dân các xã, phường	27/10/2026
4	Danh mục cống, đập, kênh, công trình cấp nước cần sửa chữa, thứ tự ưu tiên	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Trung tâm Quản lý khai thác công trình thủy lợi, Ủy ban nhân dân các xã, phường	28/10/2026
5	Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng, bố trí lực lượng, phương tiện, nguồn nước; giám sát sụt lún	Chủ rừng, Chi cục Kiểm lâm; Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường	31/10/2026
6	Bảng kinh phí chung và Kịch bản 1, tách phần tăng thêm của Kịch bản 2, Kịch bản 3; hồ sơ nguồn vốn	Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp; Sở Tài chính, các đơn vị liên quan	31/10/2026 (chung và Kịch bản 1); 05/11/2026 (Kịch bản 2, 3)
7	Tuyên truyền đến hộ dân; đầu mối tiếp nhận phản ánh, cơ chế báo cáo	Ủy ban nhân dân các xã, phường; Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan báo chí, truyền thông	Thực hiện ngay; duy trì suốt mùa khô

Phụ lục III
NHIỆM VỤ TĂNG DẦN THEO KỊCH BẢN

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Kịch bản	Thời điểm	Nội dung thực hiện (chỉ thực hiện phần việc tương ứng)	Chủ trì; phối hợp	Thời hạn; sản phẩm	Kinh phí
Kịch bản 1	Trước khi kích hoạt	Quan trắc nguồn nước, xác nhận các điểm thiếu nước cục bộ, lượng nước dự phòng và vị trí bơm, điều tiết	Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Trung tâm Quản lý khai thác công trình thủy lợi	31/10/2026; danh sách điểm và phương tiện	Kinh phí hoạt động hợp pháp của các đơn vị; Nguồn hỗ trợ, tài trợ, huy động hợp pháp khác
	Khi kích hoạt	Điều tiết, cấp nước bổ sung cục bộ, xử lý bờ bao, cống nhỏ và hướng dẫn mùa vụ	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Trung tâm Quản lý khai thác công trình thủy lợi; Ủy ban nhân dân các xã, phường; Sở Nông nghiệp và Môi trường	Triển khai ngay sau khi kích hoạt; số hộ được cấp nước, diện tích được bảo vệ	Ngân sách nhà nước, nguồn vốn hợp pháp khác. Tổng nhu cầu kinh **500 triệu đồng**
Kịch bản 2	Trước khi kích hoạt	Khoanh vùng nguy cơ giảm thêm 2.075 ha lúa Đông Xuân, 10.000 ha lúa – tôm; bố trí điểm cấp nước lưu động và vật tư tăng cường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường; Sở Tài chính	05/11/2026; bản đồ, danh mục vật tư, dự toán tăng thêm	Kinh phí hoạt động hợp pháp của các đơn vị; Nguồn hỗ trợ, tài trợ, huy động hợp pháp khác
	Khi kích hoạt	Tăng quan trắc tại điểm nóng, điều tiết và cấp nước theo ca; trình điều chỉnh xuống giống vùng thiếu nước; tăng trực phòng cháy, chữa cháy rừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường, Trung tâm Quản lý khai thác công trình thủy lợi; Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; chủ rừng	Triển khai ngay sau khi kích hoạt; quyết định điều hành và nhật ký thực hiện	Ngân sách nhà nước, nguồn vốn hợp pháp khác. Tổng nhu cầu kinh phí lũy kế **38.142 triệu đồng**
Kịch bản 3	Trước khi kích hoạt	Chuẩn bị bổ sung so với Kịch bản 2: diện tích nguy cơ đến 13.639 ha lúa Đông Xuân và 19.373 ha lúa - tôm; hợp đồng nguyên tắc phương tiện vận chuyển, điểm cấp nước khẩn cấp, lực lượng dự bị	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các xã, phường	10/11/2026; phương án khẩn cấp và dự toán chênh lệch	Kinh phí hoạt động hợp pháp của các đơn vị; Nguồn hỗ trợ, tài trợ, huy động hợp pháp khác
	Khi kích hoạt	Huy động cấp nước khẩn cấp cho hộ dân; trình tạm dừng hoặc điều chỉnh xuống giống nơi không đủ nước; bảo vệ công trình trọng yếu, chữa cháy và hỗ trợ khẩn cấp theo thẩm quyền	Ủy ban nhân dân các xã, phường xử lý tại chỗ; Sở Nông nghiệp và Môi trường điều phối; Sở Tài chính tham mưu	Triển khai ngay sau khi kích hoạt; cập nhật mỗi ngày, báo cáo thiệt hại và nhu cầu	- Ngân sách nhà nước, nguồn vốn hợp pháp khác. - Tổng nhu cầu kinh phí lũy kế **167.026 triệu đồng**

**** Ghi chú:*** *Nguyên tắc: "trước khi kích hoạt" là hoàn thành hồ sơ, nguồn lực, phương tiện sẵn sàng; "khi kích hoạt" là thực hiện biện pháp trên thực địa. Các mốc thời gian "trước khi kích hoạt" được điều chỉnh theo ngày ban hành nếu Kế hoạch được ký sau mốc dự kiến.*

Phụ lục IV
KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ THEO NHIỆM VỤ TĂNG DẦN CÁC KỊCH BẢN

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

TT	Giải pháp	Kịch bản 1	Kịch bản 2	Kịch bản 3	Nguồn vốn
I	**Bảo đảm nước sinh hoạt**				Ngân sách nhà nước, nguồn vốn hợp pháp khác
1	Hỗ trợ Bồn trữ nước mưa (16 bồn 5.000 lít) các xã Biển Bạch, Nguyễn Phích, Khánh Lâm và Khánh An	150	-	-	
2	Đầu tư kéo dài đường ống xã Biển Bạch	350	-	-	
3	Mở rộng mạng lưới cấp nước khoảng 27.014 m	-	5.000	-	
4	Khoan thêm giếng khoan công suất 50m^3/h	-	5.600	-	
II	**Bảo vệ sản xuất**				
1	Đắp đập tạm bảo vệ vụ Đông Xuân	-	12.162	65.778	
2	Đắp đập tạm bảo vệ vụ lúa - tôm	-	4.254	61.050	
3	Phí hỗ trợ bơm tát lúa Đông Xuân	-	6.853	2.056	
III	**Phòng cháy rừng**				
1	Phòng cháy, chữa cháy rừng U Minh	-	3.517	-	
2	Phòng cháy, chữa cháy rừng Hòn Khoai	-	256	-	
IV	**Kinh phí từng Kịch bản**	**500**	**37.642**	**128.884**	
V	**Tổng kinh phí lũy kế theo Kịch bản**	**500**	**38.142**	**167.026**	